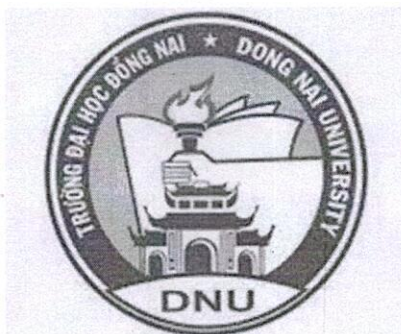


ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI



CHUẨN ĐẦU RA
NGÀNH NGỮ VĂN
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHĐN ngày/...../2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai).*

Đồng Nai, 2022

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Ngữ văn

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Ngữ văn do Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội quản lý. Chương trình đào tạo được phát triển theo tiêu chuẩn phù hợp với nhu cầu của xã hội và các đơn vị công tác trong hệ thống giáo dục quốc dân. Nội dung chương trình được thiết kế với đội ngũ giảng viên có tâm huyết và trình độ chuyên môn cao. Chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ sẽ cung cấp cho sinh viên một khối lượng kiến thức phong phú cả lý thuyết và thực hành trong suốt quá trình học. Ngoài nhiệm vụ cung cấp khối lượng kiến thức chuyên sâu về ngành Ngữ văn, chương trình còn cung cấp khối kiến thức đào tạo nghiệp vụ sư phạm giáo viên giúp người học có khả năng tự nghiên cứu và ứng dụng, xử lý tốt những vấn đề liên quan đến dạy học Ngữ văn tại các cơ sở giáo dục phổ thông trong tỉnh cũng như ngoài tỉnh.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành Ngữ văn

1	Tên Chương trình (tiếng Việt)	Sư phạm Ngữ văn
2	Tên Chương trình (tiếng Anh)	Philology Teacher Education
3	Mã ngành đào tạo:	7140217
4	Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Đồng Nai
5	Tên gọi văn bằng	Cử nhân Sư phạm Ngữ văn
6	Trình độ đào tạo:	Đại học
7	Hình thức đào tạo:	Chính quy
8	Thời gian đào tạo:	4 năm

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Ngữ văn đào tạo ra những cử nhân Sư phạm Ngữ văn có kiến thức và kỹ năng sư phạm tốt, đáp ứng nhu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam. Đáp ứng nhu cầu của xã hội trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực giáo dục.

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, chuyên môn vững vàng, thực hiện tốt công tác giảng dạy tại các cơ sở giáo dục ở bậc Trung học cơ sở và Trung học phổ thông. Người học có năng lực tổ chức tốt các hình thức hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Program Object-Viết tắt là PO)

- Về kiến thức:

PO1: Có kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, giáo dục đại cương, tin học, ngoại ngữ để vận dụng vào quá trình giảng dạy.

PO2: Có kiến thức cơ bản về Ngữ văn và kiến thức chuyên sâu về các chuyên ngành trong chương trình đào tạo, tạo nền tảng để người học sau khi tốt nghiệp có khả năng học tập các chuyên ngành Ngữ văn ở trình độ cao hơn đáp ứng sự nghiệp đổi mới giáo dục.

- Về kỹ năng:

PO3: Có kỹ năng tạo lập văn bản, thuyết trình, phản biện; kỹ năng phân tích, đánh giá dữ liệu thông tin; kỹ năng tổ chức, lãnh đạo và làm việc nhóm.

PO4: Sử dụng thành thạo các kỹ năng liên quan đến nghiệp vụ sư phạm về phương pháp giảng dạy, soạn giáo án, giải quyết các vấn đề liên quan đến dạy học, xây dựng bộ môn Ngữ văn và quản lý dạy học Ngữ văn phổ thông.

- Về thái độ:

PO5: Có trách nhiệm trong công tác giảng dạy và hoạt động nghiên cứu khoa học cơ bản, không ngừng phấn đấu phát triển chuyên môn để phục vụ tốt quá trình giảng dạy tại các cơ sở giáo dục phổ thông.

PO6: Có trách nhiệm với xã hội trong công việc, đạo đức trong nghề nghiệp, tôn trọng các giá trị văn hóa, văn học, giữ gìn bản sắc tiếng Việt trên con đường hội nhập quốc tế.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Program learning outcomes-Viết tắt là PLOs)

3.1. Kiến thức:

a. Kiến thức chung

PLO1: Vận dụng những kiến thức chung về lý luận chính trị, tin học và ngoại ngữ vào dạy học Ngữ văn.

PLO2: Vận dụng những kiến thức cơ bản thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ thông tin, ngoại ngữ vào công tác giảng dạy và nghiên cứu.

b. Kiến thức nghề nghiệp

PLO3: Sử dụng thành thạo kiến thức cơ bản về ngôn ngữ tiếng Việt; có nền tảng kiến thức cơ bản văn bản Hán - Nôm để vận dụng vào công tác giảng dạy.

PLO4: Có kiến thức chuyên sâu về các thể loại văn học dân gian Việt Nam, văn học Việt Nam trung đại và hiện đại. Các tác gia tiêu biểu văn học Việt Nam và một số nền văn học lớn trên thế giới.

PLO5: Có kiến thức về các phương pháp nghiên cứu, lý luận và phê bình văn học Việt Nam và thế giới.

PLO6: Vận dụng thành thạo kiến thức nghiệp vụ sư phạm về phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, phương pháp tổ chức các hoạt động trải nghiệm bộ môn Ngữ văn vào chương trình giáo dục phổ thông.

3.2. Kỹ năng:

a. Kỹ năng chung

PLO7: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để giải quyết vấn đề, đảm bảo chất lượng công việc.

PLO8: Kỹ năng trong giao tiếp bằng văn bản, kỹ năng thuyết trình, soạn thảo văn bản, định hướng mô tả chương trình giảng dạy.

PLO9: Kỹ năng tổ chức, lãnh đạo nhóm, hoạt động phát triển nhóm học tập và nghiên cứu. Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp phù hợp với mục tiêu giáo dục.

b. Kỹ năng nghề nghiệp

PLO10: Phân tích và phát triển Chương trình giáo dục bộ môn Ngữ văn phù hợp với đối tượng học sinh, nhà trường, địa phương.

PLO11: Kỹ năng lập kế hoạch giảng dạy, thiết kế bài giảng bộ môn Ngữ văn phù hợp với từng cấp học, năng lực học sinh từng khối lớp.

PLO12: Luôn đổi mới và sáng tạo trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập người học, theo dõi sự tiến bộ của người học, từ đó điều chỉnh và cải tiến chất lượng dạy học đối với bộ môn Ngữ văn.

PLO13: Kỹ năng khai thác và sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin hỗ trợ dạy học bộ môn Ngữ văn phù hợp với từng bài giảng, từng hoàn cảnh môi trường dạy học.

3.3. Về thái độ:

a. Ý thức

PLO14: Có ý thức và trách nhiệm trong công tác giảng dạy; hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao; có tinh thần tự ý thức cao trong việc cập nhật kiến thức, phấn đấu phát triển chuyên môn để phục vụ sự nghiệp giáo dục.

b. Hành vi

PLO15: Có hành vi ứng xử phù hợp với mọi hoàn cảnh, tình huống xảy ra trong công tác giảng dạy. Biết tự kiểm chế và điều chỉnh hành vi bản thân để trở thành một nhà giáo mẫu mực và gương mẫu đối với học sinh.

PLO16: Thực hiện nghiêm túc các quy định về đạo đức nhà giáo; có tác phong làm việc phù hợp với môi trường giáo dục; thực hiện tốt những quy định tại các cơ sở giáo dục phổ thông.

4. CƠ HỘI VIỆC LÀM VÀ HỌC TẬP SAU KHI TỐT NGHIỆP

4.1. Vị trí việc làm

- Giáo viên giảng dạy bộ môn Ngữ văn tại các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, các trường dạy nghề.
- Chuyên viên và quản lý tại các phòng giáo dục, các cơ sở giáo dục khác.
- Chuyên viên, nhà báo, biên tập viên trong các cơ quan truyền thông, các tạp chí, nhà xuất bản.

4.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có đủ khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ sau đại học thuộc các chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học, Văn học Việt Nam, Ngôn ngữ học, Hán Nôm, Văn học nước ngoài.

**TRƯỞNG PHÒNG
ĐÀO TẠO**

S. Nguyễn Bùi Linh Chi

P. TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Thị Thanh Lâm



HỘI TRƯỞNG

TS. Lê Anh Đức